

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/3/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Đạt và bà Bùi Thị Hoanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Mạc Văn Hình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Hồi 07 giờ 30 phút ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 243/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/HPT-QĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Phan Thị M**, sinh năm 1992

Hộ khẩu thường trú: thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Hữu D**, sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của đương sự, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị M và ông Nguyễn Hữu D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 4 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình chung sống vợ chồng đến tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông D không có trách nhiệm với gia đình, chơi bời lâm vào tệ nạn sử dụng chất gây nghiện, gây gỗ chửi bới và dùng bạo lực đánh đập bà M, vợ chồng đã ly thân không còn chung sống từ tháng 7 năm 2022 đến nay.

Nay bà M xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc gia đình không có, tình cảm cũng không còn nên không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với ông D được nữa nên bà M làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu D.

2. Về con chung: Bà M khai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Nhật N, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2015 (hiện đang ở với bà M tại thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam).

Ly hôn, bà M có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung

và yêu cầu ông D đóng góp nuôi con mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng (02 cháu mỗi tháng 3.000.000 đồng).

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại hồ sơ vụ án thể hiện:* Ông Nguyễn Hữu D có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam nhưng không hợp tác theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo công khai chứng cứ; Thông báo về các phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để giải quyết, xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

* *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn bà Phan Thị M đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu D trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông D vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M và ông D đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, xử cho bà M được ly hôn với ông D.

- Về quan hệ con chung: Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho các con, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con là Nguyễn Nhật N và Nguyễn Phương T cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Ông D có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung theo yêu cầu của Bà M.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Nguyễn Hữu D đã cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc với Tòa và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Hữu D vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Phan Thị M và ông Nguyễn Hữu D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ theo Trích lục kết hôn số 34/2014 ngày 18 tháng 4 năm 2014. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân, trong quá trình chung sống vợ chồng đến năm tháng 7 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Bà M cho rằng ông D không có trách nhiệm với gia đình, chơi bời lâm vào tệ nạn sử dụng chất kích thích, gây gỗ chửi bới và dùng bạo lực đánh đập bà M. Thực tế vợ chồng ly thân không còn chung sống nhau từ tháng 7 năm 2022 đến nay và ông D cũng không đến Tòa án để hoà giải mâu thuẫn vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà M có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con

Nguyễn Nhật N và Nguyễn Phương T. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ông D bỏ mặt không quan tâm gì đến con cái, trong thời gian trước đây và hiện nay các cháu N và T do bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt, bà M làm công nhân may thu nhập hằng tháng ổn định, có điều kiện chăm sóc con chung, các cháu N và T cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà M, giao cho bà M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M yêu cầu ông D đóng góp cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng. Xét thấy, việc nuôi dạy con chung là nghĩa vụ của cha mẹ nên chấp nhận yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con của bà M đối với ông D, buộc ông D có nghĩa vụ đóng góp nuôi 02 con Nguyễn Nhật N và Nguyễn Phương T mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi các cháu N và T đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà M và ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Phan Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Hữu D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Nhật N, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2015 cho bà Phan Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu N và T đủ 18 tuổi (hiện các cháu N và T đang ở với bà M tại thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam).

Ông Nguyễn Hữu D có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi 02 con Nguyễn Nhật N và Nguyễn Phương T mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) cho đến khi các cháu N và T đủ 18 tuổi.

Thời hạn cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phan Thị M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Nguyễn Hữu D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nêu trên thì hằng tháng ông D còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm”.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: (Không yêu cầu giải quyết).

4. Về án phí: Bà Phan Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu 0003909 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà M đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Hữu D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về quyền kháng cáo:** Bà Phan Thị M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hữu D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

